

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 41

CÔNG
TINH
KIỂM T
A VI
CHI N
MI
PHO H

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/11/2021 là 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo Công ty cần phải:



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Ban Lãnh đạo



MAI ANH TÁM

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Số: 12/2022/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ban Lãnh đạo
Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 19/03/2022 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyễn Thị Hồng Liên****Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

19**Nguyễn Thị Trúc Giang****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1

010
CÔNG
TNI
KIỂM
CPA VI
CHI N
MIỀN
PHỐ HÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		262.377.153.301	467.812.322.532
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	35.790.959.278	35.233.178.837
1. Tiền	111		15.790.959.278	32.908.079.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	2.325.099.584
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000	80.750.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	100.000.000	80.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.641.467.132	127.244.739.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	4.339.140.137	57.661.660.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	87.879.601.476	52.379.681.180
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	3.060.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	11.422.725.519	14.143.398.049
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		95.795.887.453	211.142.698.207
1. Hàng tồn kho	141	5.8	95.795.887.453	211.142.698.207
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.048.839.438	13.441.706.103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	45.121.741	93.803.938
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.003.717.697	13.347.902.165
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.759.368.096	157.858.280.327
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.140.000.000	6.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	38.140.000.000	6.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		279.542.553.794	34.487.904.395
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	279.542.553.794	34.487.904.395
- Nguyên giá	222		296.189.342.180	47.974.299.229
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.646.788.386)	(13.486.394.834)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.975.428.504	84.813.399.385
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	20.975.428.504	84.813.399.385
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	41.007.950.023	31.627.730.470
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		34.217.950.023	18.212.730.470
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	6.625.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.790.000.000	6.790.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		93.435.775	929.246.077
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	49.063.296	890.314.815
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.11	44.372.479	38.931.262
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		642.136.521.397	625.670.602.859



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		292.642.817.662	446.862.731.366
I. Nợ ngắn hạn	310		158.431.286.587	386.886.823.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	23.732.258.249	268.425.006.027
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	23.070.205.617	73.804.942.774
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	1.232.872.602	3.088.857.331
4. Phải trả người lao động	314		218.906.769	54.644.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	300.491.008	159.558.255
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		115.989.115	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.469.710.000	392.190.034
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	107.290.853.227	40.961.625.080
II. Nợ dài hạn	330		134.211.531.075	59.975.907.728
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		221.862.397	113.769.417
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	133.989.668.678	59.862.138.311
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		349.493.703.735	178.807.871.493
I. Vốn chủ sở hữu	410		349.493.703.735	178.807.871.493
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18	300.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.853.430.460	17.008.792.623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.530.775.098	12.108.385.020
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.322.655.362	4.900.407.603
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.994.668.350	1.153.473.945
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		642.136.521.397	625.670.602.859

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THỦY

MAI ANH TÂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.20	369.087.805.784	579.913.513.964
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.20	369.087.805.784	579.913.513.964
4. Giá vốn hàng bán	11	6.21	343.727.819.008	563.290.720.337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.359.986.776	16.622.793.627
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.22	3.282.621.896	2.804.544.184
7. Chi phí tài chính	22	6.23	10.395.129.323	6.592.074.045
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.385.060.081	6.364.498.194
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		402.720.715	205.653.403
9. Chi phí bán hàng	25	6.24	1.798.638.947	2.740.430.215
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.24	4.315.915.174	2.919.354.188
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.535.645.943	7.381.132.766
12. Thu nhập khác	31	6.26	10.706.328.549	279.500.934
13. Chi phí khác	32	6.26	35.355.053	745.458.340
14. Lợi nhuận khác	40		10.670.973.496	(465.957.406)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.206.619.439	6.915.175.360
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.25	754.335.102	2.003.236.634
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.25	(11.521.260)	12.281.125
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.463.805.597	4.899.657.601
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		22.322.655.362	4.900.407.603
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		141.150.235	(750.002)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.28	1.275	327
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.275	327

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI ANH TÂM

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

VŨ THỊ THỦY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.206.619.439	6.915.175.360
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.613.141.596	3.736.173.209
- Các khoản dự phòng	03		(245.626.755)	(92.976.830)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(16.945.321)	(850.340.574)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.304.686.996)	(2.003.869.923)
- Chi phí lãi vay	06		10.385.060.081	6.458.524.906
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		39.637.562.044	14.162.686.148
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		62.933.217.055	19.861.511.303
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		106.710.637.678	(109.597.318.310)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(315.129.606.475)	292.030.562.061
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.276.416)	422.183.445
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.222.364.837)	(6.557.062.681)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.422.561.129)	(982.373.573)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.900.000)	(44.578.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(117.539.292.080)	209.295.609.801
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(51.391.051.593)	(99.393.140.654)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(81.733.036.300)	(101.415.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		162.633.036.300	57.605.952.263
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(124.575.685.877)	(6.025.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.761.667.561	45.205.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.130.310.502	1.186.591.512
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(73.811.123.043)	(102.835.596.879)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		149.998.900.000	500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	358.512.526.697	306.041.335.142
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(309.496.919.494)	(377.964.728.341)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.104.549.500)	(9.325.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		191.909.957.703	(80.749.153.199)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		559.542.580	25.710.859.723
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	35.233.178.837	9.522.093.532
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.1	(1.762.139)	225.582
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	35.790.959.278	35.233.178.837

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng

VŨ THỊ THỦY



MAI ANH TÂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 09 ngày 12/11/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày 12/12/2021 là 300.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2021 là 35 người (*tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty và công ty con tại thời điểm 31/12/2020 là 58 người*).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện); Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời); Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất linh kiện điện tử; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác; Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân); Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình điện; Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ); Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích); Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: xây dựng các dự án năng lượng, xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh thương mại nông sản (cao su, điều...), Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng (sắt thép, tôn...), Cung cấp điện năng lượng mặt trời; Cho thuê nhà...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có 01 công ty con: Công ty cổ phần Công nghệ CRC và 02 công ty liên kết; Trong đó: Công ty cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con, cụ thể như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Công ty con				
1. Công ty cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
Công ty con của Công ty cổ phần Công nghệ CRC				
1. Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	98,9%	98,9%
2. Công ty cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	98,3%	98,3%
3. Công ty cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	98,7%	98,7%
4. Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,0%	98,0%
5. Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,0%	95,0%
6. Công ty cổ phần Điện Nhật Nguyễn Xanh	KonTum	Năng lượng	95,9%	95,9%
7. Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
8. Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,0%	97,0%
9. Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,2%	93,2%
10. Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Hà Nội	Năng lượng	99,5%	99,5%
11. Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,0%	96,0%
12. Công ty cổ phần Năng lượng Xanh Kosum	Hà Nội	Năng lượng	96,9%	96,9%
13. Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,0%	97,0%
Công ty liên kết				
1. Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc (*)	Vĩnh Phúc	Gạch ngói	49%	49%
2. Công ty TNHH Trường Sơn	Hà Nội	Gạch ngói	45%	45%

(*): Từ ngày 27/05/2021 Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty theo Nghị quyết số 320/2021/CRC/NQ-HĐQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

- 2.1 Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty liên kết

Là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Hàng hoá, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối năm:

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua/bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả trái phiếu) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá gốc của Mù cao su: Đích danh.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc thiết bị	06 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản dở dang dài hạn tại ngày 31/12/2021 của Công ty bao gồm Chi phí xây dựng dự án điện mặt trời Phú Thọ; Chi phí xây dựng Nhà máy sản xuất lưới thép.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ 7 đến 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời gian từ 24 đến 36 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí lãi vay phải trả, chi phí vận hành đường dây và chi phí hoạt động tháng 12/2021.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu các công trình xây lắp

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu và chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành (20%).

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ; Giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng; và giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Việc hoàn nhập các chênh lệch tạm thời được khấu trừ dẫn đến sự giảm trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty sẽ chỉ được hưởng lợi ích kinh tế dưới hình thức giảm trừ các khoản nộp thuế nếu có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể bù trừ với phần giảm trừ đó. Do vậy, Công ty chỉ ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại khi chắc chắn có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Việc có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ được coi là chắc chắn khi có đủ các chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến cùng một cơ quan quản lý thuế của Công ty.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Lãnh đạo cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Sản xuất gạch, dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	6.087.670.093	2.179.674.596
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.703.289.185	30.728.404.657
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	2.325.099.584
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	20.000.000.000	2.325.099.584
Tổng cộng	35.790.959.278	35.233.178.837

(*) Hợp đồng tiền gửi ngày 20/12/2021 với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 3%/ năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	100.000.000	100.000.000	80.750.000.000	80.750.000.000
Tiền gửi của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)	-	-	80.750.000.000	80.750.000.000
Bà Dương Thị Huyền	-	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	-	-	17.600.000.000	17.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	-	-	34.500.000.000	34.500.000.000
Ông Nguyễn Viết Giáp	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Bà Phạm Thị Huế	-	-	11.250.000.000	11.250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	100.000.000	100.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	100.000.000	100.000.000	-	-
Dài hạn	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (ii)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (iii)	290.000.000	290.000.000	290.000.000	290.000.000
Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (iv)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	6.890.000.000	6.890.000.000	87.540.000.000	87.540.000.000

Trong đó:

Tiền gửi ủy thác là các bên có liên quan

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền gửi ủy thác là các bên có liên quan	-	25.650.000.000

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

- (i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2020 ngày 29/03/2020 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.
- (ii) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng lãi suất 4,7%/năm
- (i) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (ii) Số lượng 29 trái phiếu với giá mua 290.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- (iii) Số lượng 60.000 trái phiếu với giá mua 6.000.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 30/07/2020 đến 30/07/2030), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi.
- Giá trị trái phiếu thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng phát hành tại ngày 31/12/2021 là 790.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 6.790.000.000 đồng, Chi tiết tại thuyết minh số 5.17

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính****b. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			34.217.950.023	-	18.212.730.470	-
+ Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc (ii)	49%	49%	15.923.392.564	-	-	-
+ Công ty TNHH Trường Sơn	45%	45%	18.294.557.459	-	18.212.730.470	-
Đầu tư vào đơn vị khác			-	-	6.625.000.000	-
+ Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch			-	-	6.625.000.000	-
Tổng cộng			34.217.950.023	-	24.837.730.470	-

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Kỳ này

+ Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc

Trong năm 2021 đơn vị lãi

+ Công ty TNHH Trường Sơn

Trong năm 2021 đơn vị lãi

(i): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii): Trong năm, Công ty giám vốn tại Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc theo Nghị quyết 320/2021/CRC/NO-HDQT ngày 13/05/2021 của Hội đồng quản trị. Từ ngày 27/05/2021 Công ty cổ phần Khách ngoại Vinh Phúc trở thành công ty liên kết của Công ty

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 9.1



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.3. Phải thu khách hàng***Phải thu của khách hàng ngắn hạn*

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty cổ phần XNK Nam Hà Nội	-	3.954.537.114
Công ty cổ phần công nghệ EMP	-	34.227.665.553
Công ty TNHH Thảo Nguyên Xanh Kon Tum	-	3.778.303.500
Công ty TNHH Việt Hương	-	3.063.967.444
Công ty CP đầu tư phát triển thương mại SHP	-	3.365.450.000
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	-	4.121.243.813
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	988.046.664	-
Công ty điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	856.987.476	-
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	793.630.000	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	298.296.900	-
Các khách hàng khác	1.402.179.097	5.150.492.732
Tổng cộng	4.339.140.137	57.661.660.156

*Trong đó**Khoản phải thu với các bên có liên quan**(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)*

	31/12/2021	01/01/2021
	-	3.365.450.000

5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát	-	250.000.000
Ông Trần Văn Cảnh	-	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	-	1.810.000.000
Tổng cộng	-	3.060.000.000

5.5. Trả trước cho người bán*Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP TMDV Nhật Minh Xanh	3.654.432.000	-
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	17.620.720.581	33.642.966.200
Công ty sản xuất thương mại Thành Nam BP	11.729.771.406	-
Công ty TNHH Thiết kế XD Kiến trúc Ý tưởng	-	2.000.000.000
Công ty cổ phần công nghệ EMP	38.113.558.750	2.960.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	7.646.627.390	-
Các nhà cung cấp còn lại	9.114.491.349	13.776.714.980
Tổng cộng	87.879.601.476	52.379.681.180

*Trong đó**Khoản trả trước cho người bán với các bên có liên quan**(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)*

	31/12/2021	01/01/2021
	-	4.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.6. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn	11.422.725.519	14.143.398.049
<i>Tạm ứng</i>	5.518.000.000	2.920.915.632
Ông Lương Văn Hà	1.850.000.000	-
Ông Trần Văn Quyết	-	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Huế	-	1.000.000.000
Ông Vũ Xuân Hoài	1.000.000.000	-
Ông Hồ Công Trứ	1.868.000.000	-
Các đối tượng khác	800.000.000	920.915.632
Phải thu khác	5.904.725.519	852.595.932
Phải thu lãi tiền gửi, tiền ủy thác	187.576.274	822.535.932
Ông Trần Ngọc Khánh (i)	4.425.000.000	-
Bà Triệu Thị Sa	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.292.149.245	30.060.000
Ký quỹ, ký cược	-	10.369.886.485
Ký quỹ - Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	-	941.000.000
Ký quỹ - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch	-	9.428.886.485
b. Dài hạn	38.140.000.000	6.000.000.000
Bà Triệu Thị Sa (ii)	9.000.000.000	4.000.000.000
Ông Mai Anh Đức (iii)	25.690.000.000	-
Ông Nguyễn Mạnh Hà (iv)	3.000.000.000	2.000.000.000
Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng (v)	450.000.000	-
Tổng cộng	49.562.725.519	20.143.398.049

Trong đó

Phải thu khác là bên có liên quan

	31/12/2021	01/01/2021
	25.690.000.000	92.042.609

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

- (i) (Phải thu về chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 2212/2021/HĐCN ngày 22/12/2021, khoản tiền này đã được thu hồi vào ngày 18/01/2022 và ngày 07/03/2022.
- (ii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCINVEST ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm; hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCTECH ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm. Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/INVEST ngày 10/07/2020 thời hạn 25 năm.
- (iii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTĐ/LAMHA2 ngày 18/09/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/DUCTRONG ngày 30/09/2020 thời hạn 25 năm.
Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/KONTUM ngày 10/06/2020 thời hạn 25 năm.
- (iv) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTĐ/DATEH ngày 24/08/2020 thời hạn 25 năm.
- (v) Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 26/TTKQ ngày 11/09/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.7. Chi phí trả trước**Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ	10.345.686	16.586.364
- Bảo hiểm tài sản	12.792.722	71.057.801
- Chi phí khác	21.983.333	6.159.773
Tổng cộng	45.121.741	93.803.938

Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí san lấp mặt bằng	-	414.415.329
- Nhà ụ đất chạy thử	-	401.113.513
- Công cụ dụng cụ	49.063.296	-
- Chi phí sửa chữa Gông	-	74.785.973
Tổng cộng	49.063.296	890.314.815



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.8. Hàng tồn kho**

		31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	(i)	189.368.263	-	13.258.054.728	-
Công cụ dụng cụ		-	-	2.364.091	-
Chi phí SXKD dở dang		14.752.376.005	-	106.816.405.682	-
+ Dự án Dầu Tiếng		-	-	57.865.810.763	-
+ Dự án Bào Lộc		-	-	22.508.814.574	-
+ Dự án Bình Định		-	-	22.651.074.141	-
+ Dự án Solar Cell		13.303.304.304	-	-	-
+ Dự án nhà xưởng Bào Lộc		1.240.165.584	-	-	-
+ Dự án khác		208.906.117	-	589.934.154	-
+ Sản phẩm dở dang		-	-	3.200.772.050	-
Thành phẩm		-	-	14.405.780.708	-
Hàng hoá	(i)	80.854.143.185	-	76.660.092.998	-
Tổng cộng		95.795.887.453	-	211.142.698.207	-

(i) Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Loại hàng gửi</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Cao su thành phẩm	4.868.263	4.868.263
Ông Nguyễn Văn Đang	Mủ cao su, cao su thành phẩm	19.691.084.700	40.584.292.541
Công ty CP sản xuất XNK Thành Nam	Nhân điều	29.612.183.500	19.795.108.858
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	Nhân điều	-	3.243.240.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	Gạch	9.830.765.007	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP****5. NHẤT (Tiếp theo)****5.9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2021	27.507.073.760	18.741.578.741	1.725.646.728	47.974.299.229
Mua trong kỳ	-	550.000.000	1.278.880.000	1.828.880.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	278.267.164.707	-	278.267.164.707
Tăng khác (ii)	-	14.681.719.836	-	14.681.719.836
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(607.705.455)	(607.705.455)
Giảm khác (i)	(27.507.073.760)	(18.447.942.377)	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	293.792.520.907	2.396.821.273	296.189.342.180
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2021	5.889.265.411	6.780.137.250	816.992.173	13.486.394.834
Khấu hao trong kỳ	-	8.169.511.920	443.629.676	8.613.141.596
Tăng khác (iii)	-	7.693.215.940	-	7.693.215.940
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(576.176.682)	(576.176.682)
Giảm khác (i)	(5.889.265.411)	(6.680.521.891)	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	15.962.343.219	684.445.167	16.646.788.386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	21.617.808.349	11.961.441.491	908.654.555	34.487.904.395
Tại ngày 31/12/2021	-	277.830.177.688	1.712.376.106	279.542.553.794

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng (ngày 31/12/2020 là 168.572.209 đồng)

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay là 251.185.239.224 đồng (ngày 31/12/2020 là 23.025.969.712 đồng)

(i); (ii): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của Công ty con đã thanh lý trong kỳ và phân loại lại nhóm tài sản

(iii): Khấu hao của tài sản cố định Công ty con tăng mới trong kỳ

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<u>Xây dựng cơ bản dở dang</u>	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Dự án ĐMT Nhà ăn KonTum	-	-	15.706.561.646	15.706.561.646
- Dự án ĐMT Đà Tê	-	-	16.889.840.354	16.889.840.354
- Dự án ĐMT Lâm Hà 1 - Invest	-	-	11.576.913.968	11.576.913.968
- Dự án ĐMT Lâm Hà 1 - Power	-	-	12.587.228.680	12.587.228.680
- Dự án ĐMT Lâm Hà 2 - Power	-	-	11.409.169.659	11.409.169.659
- Dự án ĐMT Lâm Hà 2 - Canadian	-	-	16.121.267.056	16.121.267.056
- Dự án điện mặt trời Phú Thọ	11.199.648.049	11.199.648.049	-	-
- Nhà máy sản xuất lưới thép - Vinasolar Bảo Lộc	9.775.780.455	9.775.780.455	-	-
- Tài sản dở dang khác	-	-	522.418.022	522.418.022
Tổng cộng	20.975.428.504	20.975.428.504	84.813.399.385	84.813.399.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	31/12/2021	01/01/2021
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	44.372.479	38.931.262
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	44.372.479	38.931.262

5.12. Phải trả người bánCác khoản phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật liệu Lâm nhà PLD	-	-	14.775.930.411	14.775.930.411
Công ty JASOLAR INTERNATIONAL LIMITED	-	-	117.528.600.838	117.528.600.838
Công ty JINKOSOLAR CO, LTD	-	-	40.789.599.365	40.789.599.365
Công ty ZNSHINE SOLAR	-	-	45.740.139.448	45.740.139.448
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Aairsun VN	2.681.214.056	2.681.214.056	-	-
Công ty cổ phần công nghệ EMP	1.261.083.310	1.261.083.310	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	19.789.960.883	19.789.960.883	49.590.735.965	49.590.735.965
Tổng cộng	23.732.258.249	23.732.258.249	268.425.006.027	268.425.006.027

Trong đó

Khoản phải trả nhà cung cấp là bên có liên quan

*(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)***Trong đó****5.13. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Kinh phí công đoàn	-	-	7.404.845	7.404.845
- Bảo hiểm xã hội	-	-	29.605.246	29.605.246
- Phải trả ngắn hạn khác	2.469.710.000	2.469.710.000	355.179.943	355.179.943
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	721.031.468	721.031.468	255.590.677	255.590.677
+ Nhận ký quỹ Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Dung	1.582.500.000	1.582.500.000	-	-
+ Phải trả khác	133.178.532	133.178.532	66.589.266	66.589.266
Tổng cộng	2.469.710.000	2.469.710.000	392.190.034	392.190.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****5.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	-	-	32.132.591.182	32.132.591.182
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	4.112.366.688	4.112.366.688	-	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Mai Sơn Lâm	7.600.000.000	7.600.000.000	-	-
Công ty cổ phần Công Nghệ Và Xử Lý Môi Trường Toàn Mỹ	5.763.399.040	5.763.399.040	11.267.070.255	11.267.070.255
Công ty TNHH MTV Phan Linh YB	-	-	6.630.000.000	6.630.000.000
Công ty TNHH MTV Đông An Gia Lai	639.010.000	639.010.000	7.850.000.000	7.850.000.000
Công ty TNHH MTV Hà My	-	-	8.250.000.000	8.250.000.000
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	-	-	413.923.528	413.923.528
Các đối tượng khác	4.955.429.889	4.955.429.889	7.261.357.809	7.261.357.809
Tổng cộng	23.070.205.617	23.070.205.617	73.804.942.774	73.804.942.774

Trong đó

Khoản người mua trả tiền trước với các bên có liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)

31/12/2021

01/01/2021

-

32.546.514.710

5.15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	793.859.930	9.268.554.018	10.062.413.948	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.603.161.170	754.335.102	1.603.161.170	754.335.102
Thuế thu nhập cá nhân	457.537.500	-	-	457.537.500
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	215.510.400	-	215.510.400	-
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	2.000.000	32.000.000	13.000.000	21.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	16.788.331	34.518.097	51.306.428	-
Tổng cộng	3.088.857.331	10.089.407.217	11.945.391.946	1.232.872.602

5.16. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí dịch vụ nhập khẩu	-	19.500.000
- Chi phí lãi vay	221.301.624	137.113.050
- Chi phí phải trả khác	79.189.384	2.945.205
Tổng cộng	300.491.008	159.558.255

27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính

5.17.1 Các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	83.630.792.806	83.630.792.806	354.451.936.375	301.643.960.382	30.822.816.813	30.822.816.813
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình {1}	49.261.252.276	49.261.252.276	175.681.224.007	142.206.681.706	15.786.709.975	15.786.709.975
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà {2}	34.369.540.530	34.369.540.530	133.348.832.837	107.063.155.667	8.083.863.360	8.083.863.360
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	-	-	45.421.879.531	45.924.726.840	502.847.309	502.847.309
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	-	-	-	4.329.396.169	4.329.396.169	4.329.396.169
+ Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	-	-	-	820.000.000	820.000.000	820.000.000
+ Bà Vũ Thị Phương	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	23.660.060.421	23.660.060.421	27.077.431.701	13.556.179.547	10.138.808.267	10.138.808.267
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {3}	44.000.004	44.000.004	337.333.336	337.333.336	44.000.004	44.000.004
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {4}	165.245.904	165.245.904	282.098.365	116.852.461	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên	-	-	-	1.353.856.000	1.353.856.000	1.353.856.000
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình {5}	5.082.000.000	5.082.000.000	5.689.000.000	1.927.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công {6}	3.416.814.513	3.416.814.513	3.425.000.000	3.053.185.487	3.045.000.000	3.045.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội {7}	8.460.000.000	8.460.000.000	9.570.000.000	5.485.952.263	4.375.952.263	4.375.952.263
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Mỹ Đình {8}	6.492.000.000	6.492.000.000	7.774.000.000	1.282.000.000	-	-
Tổng cộng	107.290.853.227	107.290.853.227	381.529.368.076	315.200.139.929	40.961.625.080	40.961.625.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

5.17.2 Các khoản vay dài hạn

	31/12/2021 (VND)		Phát sinh trong năm		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	133.989.668.678	133.989.668.678	101.204.962.068	27.077.431.701	59.862.138.311	59.862.138.311
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng {3}	205.333.324	205.333.324	293.333.332	337.333.336	249.333.328	249.333.328
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {4}	557.901.635	557.901.635	840.000.000	282.098.365	-	-
+ Ngân hàng TMCP quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình {5}	26.196.500.000	26.196.500.000	23.205.500.000	5.689.000.000	8.680.000.000	8.680.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công {6}	20.129.999.188	20.129.999.188	-	3.425.000.000	23.554.999.188	23.554.999.188
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội {7}	52.484.934.531	52.484.934.531	34.677.128.736	9.570.000.000	27.377.805.795	27.377.805.795
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Mỹ Đình {8}	34.415.000.000	34.415.000.000	42.189.000.000	7.774.000.000	-	-
Tổng cộng	133.989.668.678	133.989.668.678	101.204.962.068	27.077.431.701	59.862.138.311	59.862.138.311

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

- {1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình
Hợp đồng TDHM số 01/2021/8353501/HETD ngày 10/06/2021
Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám; 29 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 290.000.000 đồng; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám.
- {2} Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà
Hợp đồng tín dụng số 1260LAV202100208 ngày 22/04/2021
Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.1.7. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

{3} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng

Hợp đồng cho vay kiêm thẻ chấp xe ô tô số 692/2020/HĐTD/TTB MB4/01 ngày 21/08/2020

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast Fadil BKS 30G-486.94, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 304.253.502 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 388.341.341.390 đồng)

{4} Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 lần lượt là 511.790.326 đồng và 583.425.203 đồng

{5} Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình

Hợp đồng cho vay số 65290.20.011.8298087.TD ngày 23/11/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Giấy chứng nhận góp vốn số 04/CNCP/CRC/TECH do Công ty cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.

Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng vay số 12611.21.014.9720117.TD ngày 16/03/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trứ tại Công ty theo Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCNCP ngày 26/11/2020

{6} Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20598213 ngày 26/06/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 phiếu của công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Nguồn thu từ dự án điện áp mái Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn Thanh Bình, Lâm Hà, Lâm Đồng số BU186588

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/2095745 ngày 17/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN

Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01/2020/HDDA/20955417 ngày 09/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng của dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tâm; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng ma bán điện giữ EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thành, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.17. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

{7} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209604/HĐTD ngày 11/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/1420904/HĐTD ngày 11/09/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544379

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HĐTD ngày 21/08/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ Trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Mai Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệt kê hợp đồng mua bán điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

{8} Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình

Hợp đồng cho vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; BĐS tại xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số CX027498

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/145070831/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệt kê hợp đồng mua bán điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14532823/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519935/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án

Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HĐTD ngày 30/10/2020

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.18. *Vốn chủ sở hữu*

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quy đầu tư phát triển</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	10.645.604.925	-	12.266.487.503	604.223.947	173.516.316.375
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	550.000.000	550.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.900.407.603	(750.002)	4.899.657.601
Tăng khác	-	-	1.067.753.431	-	-	1.067.753.431
Giảm khác	-	-	(1.067.753.431)	(158.102.483)	-	(1.225.855.914)
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	150.000.000.000	10.645.604.925	-	17.008.792.623	1.153.473.945	178.807.871.493
Tăng vốn trong năm (*)	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	22.322.655.362	141.150.235	22.463.805.597
Tăng khác (***)	-	-	16.945.321	2.088.571.741	4.295.163.062	6.400.680.124
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (**)	-	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)
Thù lao trả HĐQT và BKS (**)	-	-	-	(66.589.266)	-	(66.589.266)
Giảm khác (***)	-	-	(16.945.321)	-	(595.118.892)	(612.064.213)
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	10.645.604.925	-	33.853.430.460	4.994.668.350	349.493.703.735

(*): Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 2804/2021/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021; Nghị quyết số 01/2021/NQHĐQT-CRC của Hội đồng quản trị Công ty ngày 20/05/2021 thông qua việc triển khai phương án chào bán 15.000.000 cổ phiếu ra công chúng; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 109/2021/NQ-HĐQT ngày 10/08/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 110/2021/NQ-HĐQT ngày 12/08/2021 đã thông qua việc triển khai phân phối cổ phiếu; Giấy chứng nhận số 127/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06/08/2021 về việc đăng ký chào bán; Công văn số 7176/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 05/11/2021 về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của CRC

(**): Trong năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 2804/2021/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021; Theo đó Công ty chi trả cổ tức 7.500.000.000 đồng; trích thu lao trả HĐQT và BKS 66.589.266 đồng.

(***): Tăng giảm khác của chi tiêu Lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế là các ảnh hưởng của việc mua/bán Công ty con trong năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**5.18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tám	20.000.000.000	20.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000	-	7.022.400.000	7.022.400.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	265.955.200.000	265.955.200.000	-	127.977.600.000	127.977.600.000	-
Tổng cộng	300.000.000.000	300.000.000.000	-	150.000.000.000	150.000.000.000	-

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	150.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.500.000.000	-
Cổ tức chi bằng tiền mặt	5%/ mệnh giá	

d. Cổ phiếu:

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

5.19. Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	95.167,65	1.738,86

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.087.805.784	579.913.513.964
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	127.699.397.864	483.381.464.267
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	214.337.143.044	94.680.863.446
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.051.264.876	1.851.186.251
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.087.805.784	579.913.513.964
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>127.699.397.864</i>	<i>483.381.464.267</i>
<i>Doanh thu thuần xây dựng, lắp đặt</i>	<i>214.337.143.044</i>	<i>94.680.863.446</i>
<i>Doanh thu thuần dịch vụ</i>	<i>27.051.264.876</i>	<i>1.851.186.251</i>
<i>Trong đó</i>	<i>Năm 2021</i>	<i>Năm 2020</i>
Doanh thu với các bên liên quan	29.760.418.139	10.835.524.066
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 8.2)</i>		

6.21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	123.655.903.344	473.464.380.335
Giá vốn hợp đồng xây dựng, lắp đặt	211.017.464.678	88.525.288.683
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.054.450.986	1.301.051.319
Tổng cộng	343.727.819.008	563.290.720.337

6.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	2.494.919.912	1.798.216.520
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	651.169.501	155.987.090
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.945.321	850.340.574
Lãi thanh lý khoản đầu tư	119.587.162	-
Tổng cộng	3.282.621.896	2.804.544.184

6.23. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	10.385.060.081	6.364.498.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.069.242	227.575.851
Tổng cộng	10.395.129.323	6.592.074.045



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	1.095.052.246	911.005.355
- Chi phí công cụ quản lý	46.897.428	64.782.636
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	451.883.326	270.411.033
- Thuế, phí và lệ phí	110.097.031	156.003.808
- Chi phí dự phòng	-	(92.976.830)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.479.645.965	1.528.439.991
- Chi phí bằng tiền khác	132.339.178	81.688.195
Tổng cộng	4.315.915.174	2.919.354.188
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí cho nhân viên	-	82.056.818
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.798.638.947	2.658.373.397
Tổng cộng	1.798.638.947	2.740.430.215

6.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**6.25.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	754.335.102	2.003.236.634
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	-	-
Tổng cộng	754.335.102	2.003.236.634

6.25.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	(11.521.260)	12.281.125
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Tổng cộng	(11.521.260)	12.281.125



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****6.26. Thu nhập khác và chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	10.706.328.549	279.500.934
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	332.107.591	-
- Hàng tặng	-	247.870.290
- Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	10.341.113.536	-
- Các khoản khác	33.107.422	31.630.644
Chi phí khác	35.355.053	745.458.340
- Lãi chậm nộp BHXH	143.603	651.679
- Các khoản bị phạt, bị truy thu	34.518.097	671.629.033
- Các khoản khác	693.353	73.177.628
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	10.670.973.496	(465.957.406)

6.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	106.134.707.587	12.306.145.853
Chi phí nhân công	992.991.940	1.714.410.009
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.613.141.596	1.499.229.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.511.201.576	2.429.837.688
Chi phí khác bằng tiền	1.023.907.213	15.608.649
Tổng cộng	137.275.949.912	17.965.231.251

6.28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.322.655.362	4.900.407.603
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ	22.322.655.362	4.900.407.603
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.506.849	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.275	327

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN**7. TỆ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
7.1. Thanh lý công ty con trong kỳ		
Tổng giá trị thanh lý	15.722.086.000	-
Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền	15.722.086.000	-
7.2. Các giao dịch phi tiền tệ khác		
+ Tiền thu từ đi vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	34.937.215	58.666.672
+ Tiền thanh toán vay qua đánh giá chênh lệch tỷ giá	19.972.710	44.000.004
+ Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chưa thu	4.425.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC**8.1 Báo cáo bộ phận**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, năng lượng, sản xuất gạch và đầu tư tài chính. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Chỉ tiêu	Sản xuất gạch	Kinh doanh hàng hóa	Xây dựng cơ bản	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>						
- Doanh thu bán ra bên ngoài	1.156.236.821	126.543.161.043	214.337.143.044	27.051.264.876	-	369.087.805.784
Tổng doanh thu thuần	1.156.236.821	126.543.161.043	214.337.143.044	27.051.264.876	-	369.087.805.784
<i>Chi phí kinh doanh</i>						
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.456.201.194	125.544.365.888	213.316.652.612	9.525.153.435	-	349.842.373.129
- Chi phí bán hàng	1.267.600.996	122.388.302.348	211.017.464.678	9.054.450.986	-	343.727.819.008
- Chi phí bán hàng	-	1.798.638.947	-	-	-	1.798.638.947
- Chi phí QLDN	188.600.198	1.357.424.593	2.299.187.934	470.702.449	-	4.315.915.174
Kết quả HĐKD	(299.964.373)	998.795.155	1.020.490.432	17.526.111.441	-	19.245.432.655
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	-	-	(6.709.786.712)	(6.709.786.712)
- Lợi nhuận khác	-	-	-	-	10.670.973.496	10.670.973.496
- LN/(lỗ) trước thuế	(299.964.373)	998.795.155	1.020.490.432	17.526.111.441	3.961.186.784	23.206.619.439
Chỉ tiêu	Sản xuất gạch	Kinh doanh hàng hóa	Xây dựng cơ bản	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	3.736.433.813	6.328.722.486	5.725.802.979	20.000.000.000	35.790.959.278
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	18.680.155.329	31.640.201.586	53.321.110.217	-	103.641.467.132
Hàng tồn kho	-	81.043.511.448	14.752.376.005	-	-	95.795.887.453
Tài sản ngắn hạn khác	-	27.048.839.438	-	-	-	27.048.839.438
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	38.140.000.000	-	38.140.000.000
Tài sản cố định	-	14.923.148.666	-	264.619.405.128	-	279.542.553.794
Tài sản dở dang dài hạn	-	11.199.648.049	-	9.775.780.455	-	20.975.428.504
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	41.007.950.023	41.007.950.023
Tài sản dài hạn khác	-	93.435.775	-	-	-	93.435.775
Tổng tài sản	-	156.725.172.518	52.721.300.077	371.582.098.779	61.107.950.023	642.136.521.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Sản xuất gạch	Kinh doanh hàng hóa	Xây dựng cơ bản	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Tổng cộng
Nợ phải trả						
Nợ ngắn hạn	-	39.419.200.564	66.767.723.836	52.244.362.187	-	158.431.286.587
Nợ dài hạn	-	365.692.391	619.404.965	133.226.433.719	-	134.211.531.075
Tổng nợ phải trả	-	39.784.892.954	67.387.128.802	185.470.795.906	-	292.642.817.662

8. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Khu vực nội địa	347.504.174.704	534.430.742.928
Khu vực nước ngoài	21.583.631.080	45.482.771.036
Cộng	369.087.805.784	579.913.513.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**8.2 Thông tin về các bên có liên quan**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Chuyển từ công ty con sang công ty liên kết từ ngày 27/05/2021
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ ngày 01/11/2021
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Công ty con từ ngày 01/11/2021; BLQ của TGD đến ngày 22/05/2021
Công ty CP CRC Solar Cell	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 23/12/2021
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc của công ty con
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT

a. Giao dịch với các bên liên quan**Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền lương và phụ cấp	147.029.431	195.122.874
Tổng cộng	147.029.431	195.122.874

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng Ban kiểm soát	78.916.415	78.298.674
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên Ban kiểm soát	-	51.675.200
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	68.113.015	65.149.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của CT HĐQT đến ngày 23/12/2021	Doanh thu xây lắp	24.755.735.254	10.835.524.066
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con từ 01/11/2021	Doanh thu xây lắp	4.998.556.340	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Doanh thu bán hàng	6.126.545	-
Cộng			29.760.418.139	10.835.524.066
Mua hàng				
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của TGD	Mua hàng hóa	10.336.717.000	17.065.124.967
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Thuê đất	126.958.200	1.982.611
Cộng			10.463.675.200	17.067.107.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

a. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Tiền gửi ủy thác				
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	Nhận ủy thác		14.400.000.000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	14.400.000.000	-
		Lãi tiền gửi ủy thác	66.954.585	51.198.773
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	118.153.358	-
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng BKS	Nhận ủy thác	1.000.000.000	11.250.000.000
		Tất toán tiền gửi ủy thác	12.250.000.000	-
		Lãi tiền gửi ủy thác	147.205.479	40.843.836
		Thu lãi tiền gửi ủy thác	188.049.315	-
Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc Công ty con	Nhận ủy thác	5.000.000.000	-
		Tất toán ủy thác	5.000.000.000	-
		Lãi tiền gửi	79.910.441	-
		Thu lãi tiền gửi	79.910.441	-
Các khoản phải thu, phải trả khác				
Công ty CP gạch ngói Vinh Phúc	Công ty liên kết từ ngày 27/05/2021	Chi tiền cho mượn	300.000.000	800.000.000
		Thu tiền cho mượn	1.464.974.782	-
Công ty CP Phụ gia bê tông Phá Lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn	-	275.000.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	275.000.000
		Chuyển tiền	199.967.000	-
		Hoàn trả tiền	199.967.000	-
Đặt cọc				
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	Đặt cọc tiền thuê đất	25.690.000.000	-

b. Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
I. Phải thu khách hàng			
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	-	3.365.450.000
		-	3.365.450.000
II. Tiền gửi ủy thác			
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng BKS	-	25.650.000.000
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	-	11.250.000.000
		-	14.400.000.000
III. Người mua trả tiền trước			
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ CT HĐQT đến ngày 23/12/2021	-	413.923.528
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	-	32.132.591.182
		25.690.000.000	92.042.609
IV. Phải thu khác			
Bà Phạm Thị Huế	Trưởng BKS	-	40.843.836
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	-	51.198.773
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT.HĐQT	25.690.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

8.2 Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

b. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

<i>VI. Phải trả người bán</i>		-	211.603.011
<i>Công ty CP Phụ gia bê tông Phà Lại</i>	<i>Có cùng Chủ tịch HĐQT</i>	-	209.620.400
<i>Ông Mai Anh Đức</i>	<i>Thành viên thân cận của CT.HĐQT</i>	-	1.982.611
<i>VII. Trả trước cho người bán</i>		-	4.100.000.000
<i>Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh</i>	<i>BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 22/05/2021</i>	-	4.100.000.000

8.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Kế toán trưởng



VŨ THỊ THỦY

Chủ tịch Hội đồng quản trị



MAI ANH TÁM